

Mức độ thích ứng với hoạt động học môn đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Đặng Thị Lan*

*Bộ môn Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 29 tháng 8 năm 2012

Chỉnh sửa ngày 16 tháng 8 năm 2013; Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 9 năm 2013

Tóm tắt: Bài viết làm rõ khái niệm mức độ thích ứng với hoạt động học môn đọc hiểu tiếng nước ngoài và thực trạng mức độ thích ứng với hoạt động học môn đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG Hà Nội. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng, tác giả đề xuất một số giải pháp giúp sinh viên nâng cao mức độ thích ứng với hoạt động học môn đọc hiểu tiếng nước ngoài góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo của nhà trường.

Từ khóa: mức độ thích ứng với hoạt động học, đọc hiểu tiếng nước ngoài, phương pháp dạy học ngoại ngữ, hoạt động học

1. Đặt vấn đề

Để phù hợp với xu thế phát triển giáo dục hiện nay ở Việt Nam là nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, sinh viên (SV) trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN)-Đại học Quốc gia (ĐHQG) Hà Nội phải nhanh chóng thích ứng với hoạt động học (HĐH) ngoại ngữ nói chung và HĐH môn đọc hiểu tiếng nước ngoài (TNN) nói riêng. Bởi vì trong nội dung chương trình học ngoại ngữ, môn đọc hiểu TNN là môn học chủ yếu, đặc biệt đối với SV học ngoại ngữ không có môi trường tiếng thì môn học này lại càng quan trọng. Việc học môn

đọc hiểu TNN có hiệu quả sẽ là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng các môn học ngoại ngữ khác.

Việc nghiên cứu mức độ thích ứng với HĐH môn đọc hiểu TNN là một trong các cơ sở khoa học để đề xuất các biện pháp sư phạm cơ bản nhằm góp phần đẩy nhanh mức độ thích ứng với môn học này của SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội.

2. Một số tiền đề lý thuyết

2.1. Khái niệm “thích ứng với hoạt động học của sinh viên”

Trong bài viết này, khái niệm thích ứng với hoạt động học của sinh viên được hiểu là quá

*ĐT.: +84 - 985310261

Email: dangthilan65@gmail.com

trình sinh viên tạo nên những biến đổi trong đời sống tâm lý của mình trước những điều kiện học tập mới. Sự biến đổi này là kết quả của quá trình sinh viên tích cực, chủ động, sáng tạo để hình thành những phương thức hành vi, hoạt động, ứng xử phù hợp, đáp ứng các yêu cầu của hoạt động học; hình thành những cấu tạo tâm lý mới đảm bảo cho sinh viên tiến hành hoạt động học có kết quả.

Như vậy, thích ứng với HĐH của SV thể hiện ở các nội dung cơ bản sau:

- Thích ứng với HĐH của SV là quá trình SV tạo nên những biến đổi trong đời sống tâm lý của mình trước những điều kiện học tập mới. Sự biến đổi này hình thành nên những cấu tạo tâm lý mới đảm bảo cho SV tiến hành HĐH có kết quả.

Sự biến đổi trong đời sống tâm lý của SV theo xu hướng phát triển, được đặc trưng bởi sự thay đổi nhu cầu, động cơ, mục đích học tập là lĩnh hội hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và nghiệp vụ chuyên môn theo mục tiêu đào tạo để trở thành người chuyên gia tương lai. Đặc biệt là sự phát triển về quá trình nhận thức của SV thể hiện ở việc tăng lên cả về số lượng, chất lượng của tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và phương pháp lĩnh hội tri thức. Hay nói cách khác, sự phát triển nhận thức của SV là quá trình biến đổi cấu trúc cái được phản ánh và phương thức phản ánh chúng, dẫn đến sự cấu trúc lại bản thân hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo làm cho hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo ngày càng sâu sắc, phản ánh đúng bản chất, từng bước tiếp cận chân lý; điều chỉnh, mở rộng những phương thức phản ánh, thậm chí xóa bỏ các phương thức phản ánh cũ, không phù hợp để hình thành các phương thức mới phù hợp, sáng tạo đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ học tập ở đại học.

Tuy nhiên, quá trình biến đổi trong đời sống tâm lý của SV có sự tác động của điều kiện học

tập mới. Những điều kiện đó là: sinh viên đã có ý thức về nghề nghiệp tương lai của bản thân; nhận thức rõ mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và chương trình nội dung của khóa học; có phương pháp học tập mới dưới sự tổ chức, điều khiển, hướng dẫn học tập của giảng viên và sự quản lý của các cơ quan chức năng ở trường đại học... Đồng thời, sự phát triển trong đời sống tâm lý của SV còn chịu ảnh hưởng không nhỏ của môi trường xã hội; khả năng tự chủ, tự giác của SV trong các hoạt động phong phú đa dạng, mức độ giao lưu trong tập thể SV và ngoài xã hội [1].

- Thích ứng với HĐH của SV là kết quả của quá trình SV tích cực, chủ động, sáng tạo để hình thành những phương thức hành vi, hoạt động, ứng xử phù hợp, đáp ứng yêu cầu của HĐH.

Thích ứng với HĐH của SV chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan và chủ quan. Yếu tố khách quan là: môi trường chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, hệ thống pháp luật của đất nước...; sự giảng dạy, tổ chức, quản lý của nhà trường; sự giáo dục, quan tâm về tình cảm, việc bảo đảm kinh phí, các phương tiện và điều kiện học tập của gia đình. Yếu tố chủ quan là tính tích cực, chủ động, sáng tạo của SV trong quá trình học tập. Đây là yếu tố có vai trò quyết định trực tiếp và được biểu hiện tập trung ở việc SV biết huy động tối đa vốn hiểu biết, kinh nghiệm, khả năng tư duy, nhất là tư duy sáng tạo và trí tưởng tượng sáng tạo để chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo; biết tự tìm hiểu, học hỏi, tự lựa chọn hành động học tập phù hợp với khả năng của bản thân, không chờ đợi, ỷ lại vào sự giúp đỡ của giảng viên và các bạn; không bị gò bó, phụ thuộc vào những phương pháp hướng dẫn học tập của giảng viên mà luôn suy nghĩ tìm tòi, có nhiều cách thức mới để hình thành những hoạt động, hành vi ứng xử phù hợp đáp ứng yêu cầu của HĐH ở đại học.

Thời gian đầu vào trường đại học, SV gặp nhiều khó khăn trong việc làm quen với môi trường học tập mới, các mối quan hệ mới, các phương thức tiến hành HĐH... nên sự thích ứng với HĐH đòi hỏi SV phải tích cực, chủ động và sáng tạo cao để nhanh chóng tiếp cận với mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp học và môi trường hoạt động mới. Sinh viên phải gạt bỏ phương pháp tư duy, thói quen học tập ở bậc phổ thông và lối sống không phù hợp ở môi trường đại học; tự điều khiển, điều chỉnh hành vi để hình thành phương pháp học mới ở đại học, thói quen sinh hoạt, làm việc có kế hoạch... nhằm lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp.

2.2. Mức độ thích ứng với hoạt động học môn đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội

Mức độ thích ứng là phạm vi biến đổi cấu trúc đời sống tâm lý cá nhân (nhận thức, thái độ và hành động) đáp ứng với yêu cầu hoạt động mới, bảo đảm cho cá nhân thực hiện hoạt động đó có kết quả [2].

Mức độ thích ứng với HĐH môn đọc hiểu TNN của sinh viên ĐHNN được qui định bởi đặc trưng của HĐH ngoại ngữ: đặc trưng về đối tượng, đặc trưng về động cơ, đặc trưng về mục đích, đặc trưng về phương tiện, đặc trưng về điều kiện. Mức độ thích ứng này diễn ra nhanh hay chậm, thuận lợi hay khó khăn phụ thuộc vào khả năng nhận thức đối tượng của HĐH ngoại ngữ, sự hình thành động cơ, mục đích và hành động học ngoại ngữ; nhất là vốn tri thức ngôn ngữ, kỹ năng, kỹ xảo lời nói ngoại ngữ, năng lực ghi nhớ và phương pháp học ngoại ngữ của SV; môi trường học ngoại ngữ, năng lực giảng dạy của giảng viên và các điều kiện quan trọng khác. Do đó, mức độ thích ứng với HĐH môn đọc hiểu TNN của SV được xác định

ở phạm vi nắm vững tri thức ngôn ngữ, kỹ năng, kỹ xảo lời nói TNN và phương pháp học TNN... để tiến hành HĐH môn đọc hiểu TNN có kết quả [3].

Như vậy, có thể hiểu: mức độ thích ứng với hoạt động học môn đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên ĐHNN là phạm vi biến đổi về mặt nhận thức, thái độ và hành động của sinh viên đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ, điều kiện, phương tiện của hoạt động học môn đọc hiểu tiếng nước ngoài và bảo đảm cho họ tiến hành hoạt động học môn đọc hiểu tiếng nước ngoài có kết quả [4].

3. Một số kết quả nghiên cứu thực tiễn mức độ thích ứng với hoạt động học môn đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội

Nghiên cứu được tiến hành trên 1010 SV năm thứ nhất và năm thứ hai của các khoa: Ngôn ngữ và văn hoá Anh-Mỹ (khoa Anh), Ngôn ngữ và văn hoá Nga (khoa Nga), Ngôn ngữ và văn hoá Pháp (khoa Pháp), Ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc (khoa Trung) thuộc trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội. Để có những kết quả cụ thể, chúng tôi đã sử dụng phương pháp nghiên cứu chính là điều tra viết với một hệ thống câu hỏi, nhằm thu thập thông tin về việc SV nhận thức bản chất, nội dung cụ thể, tác dụng của năm hành động học cơ bản và thực hành năm hành động học đó là: chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN, tiếp thu kiến thức bài học môn Đọc hiểu TNN, sử dụng giáo trình (GT) và tài liệu tham khảo (TLTK) môn Đọc hiểu TNN, chuẩn bị và tiến hành xêmina môn Đọc hiểu TNN và ôn tập môn Đọc hiểu TNN.

Đánh giá mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN của sinh viên trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội, chúng tôi dựa vào điểm cá nhân

từng hành động học cơ bản để tính điểm tổng hợp về mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN. Mức độ thích ứng với HDH môn

Đọc hiểu TNN của SV được xếp theo ba mức (cao, trung bình, thấp) với thang điểm tổng hợp như sau:

TT	Thang điểm tổng hợp	Mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN
1	Từ 8.0 điểm đến 10 điểm	Cao
2	Từ 5.0 điểm đến cận 8.0 điểm	Trung bình (TB)
3	Dưới 5.0 điểm	Thấp

Biểu hiện của mức độ thích ứng cao với HDH môn Đọc hiểu TNN là: nhận thức đúng, hệ thống, toàn diện, đầy đủ bản chất, nội dung cụ thể và tác dụng của các hành động học cơ bản là: chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN, tiếp thu kiến thức bài học môn Đọc hiểu TNN, sử dụng GT và TLTK môn Đọc hiểu TNN, chuẩn bị và tiến hành xêmina môn Đọc hiểu TNN và ôn tập môn Đọc hiểu TNN. Nắm vững và thực hành thành thạo các hành động học, biết vận dụng sáng tạo, nhanh nhạy, linh hoạt các hành động học vào các điều kiện, hoàn cảnh học tập khác nhau.

Biểu hiện của mức độ thích ứng trung bình (TB) với HDH môn Đọc hiểu TNN là: nhận thức đúng, tương đối hệ thống, toàn diện, đầy đủ bản chất, nội dung cụ thể và tác dụng của các hành động học cơ bản là: chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN, tiếp thu kiến thức bài học môn Đọc hiểu TNN, sử dụng GT và TLTK môn Đọc hiểu TNN, chuẩn bị và tiến hành xêmina môn Đọc hiểu TNN và ôn tập môn Đọc hiểu TNN. Nắm vững và thực hành các hành động học dễ dàng,

bước đầu biết vận dụng sáng tạo các hành động học vào các điều kiện, hoàn cảnh học tập khác nhau nhưng còn thiếu tự tin, chưa nhanh nhạy, linh hoạt.

Biểu hiện của mức độ thích ứng thấp với HDH môn Đọc hiểu TNN là: nhận thức chưa đúng, không hệ thống, toàn diện, đầy đủ bản chất, nội dung cụ thể và tác dụng của các hành động học cơ bản là: chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN, tiếp thu kiến thức bài học môn Đọc hiểu TNN, sử dụng GT và TLTK môn Đọc hiểu TNN, chuẩn bị và tiến hành xêmina môn Đọc hiểu TNN và ôn tập môn Đọc hiểu TNN. Thực hành các hành động học khó khăn, tốn nhiều thời gian, cần sự giúp đỡ, hướng dẫn của giảng viên và các bạn, vận dụng các hành động học có tính tái hiện ở điều kiện, môi trường học tập quen thuộc.

Tổng hợp kết quả nghiên cứu về mức độ thích ứng với hoạt động học môn Đọc hiểu TNN của SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội như sau:

3.1. Kết quả nghiên cứu xét trên tổng mẫu điều tra

Bảng 1. Mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN của SV xét theo tổng mẫu điều tra

T	Các hành động học cơ bản	Mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN		
		Cao (%)	TB (%)	Thấp (%)
1	Chuẩn bị bài học	17.62	38.71	43.66
2	Tiếp thu kiến thức bài học	8.21	14.85	76.93

3	Sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo	9.40	18.41	72.17
4	Chuẩn bị và tiến hành xêmina	2.77	9.60	87.62
5	Ôn tập	4.05	29.40	66.53
Tổng hợp		8.01	24.45	67.52

Bảng 1 cho thấy: SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN còn ở mức thấp. Chỉ có 8.01% SV có mức độ thích ứng cao, 24.45% SV có mức độ thích ứng TB và 67.52% SV có mức độ thích ứng thấp. Nguyên nhân của thực trạng này là: Khi còn học ở trường phổ thông, tuy SV đã có một số kinh nghiệm về việc học một môn ngoại ngữ nào đó, nhưng khi đó trong quan niệm của các em, môn ngoại ngữ chỉ là “môn học phụ” so với các môn học văn hóa cơ bản khác. Khi vào học ở trường đại học chuyên đào tạo ngoại ngữ, SV phải học ngoại ngữ (trong đó có môn Đọc hiểu TNN) với tư cách là môn học chuyên ngành. Nội dung học ở từng môn ngoại ngữ nhiều và khó; việc học ngoại ngữ ở ĐHNN diễn ra với tốc độ nhanh; phương pháp giảng dạy của giảng viên ngoại ngữ có nhiều thay đổi, họ nói nhanh và giảng chủ yếu bằng TNN (thậm chí là chuyên gia nước ngoài giảng)... Bản thân SV còn nhiều hạn chế: ít hiểu biết văn hóa của nước mang thứ tiếng mình học, kiến thức ngoại ngữ ở phổ thông hạn chế; chưa có phương pháp học ngoại ngữ ở đại học; thụ động trong tiếp thu kiến thức bằng TNN, thiếu tự tin trong học ngoại ngữ; chưa được tiếp xúc với người nước ngoài; chưa biết lập kế hoạch thời gian cho việc học ngoại ngữ... Vì vậy, họ gặp không ít khó khăn trong HĐH ngoại ngữ ở môi trường học tập mới và điều đó có ảnh hưởng không nhỏ đến mức độ thích ứng với HĐH ngoại ngữ nói chung và HĐH môn Đọc hiểu TNN nói riêng của SV.

Xét theo từng hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN thì mức độ thích ứng của SV còn thấp và có sự chênh lệch. *Chuẩn bị bài học*

môn Đọc hiểu TNN có mức độ thích ứng cao nhất, *chuẩn bị và tiến hành xêmina môn Đọc hiểu TNN* có mức độ thích ứng thấp nhất. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến SV có mức độ thích ứng cao nhất với chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN. Về phía sinh viên: SV chủ động tham gia vào việc lập trình đọc cho mình; học từ mới, ôn lại cấu trúc câu, tìm các nguồn tài liệu phục vụ chủ đề bài đọc hiểu; tự đọc, tự tìm hiểu để tìm ra những bài đọc hiểu cụ thể phù hợp với khả năng của mình, đọc theo tốc độ và thời gian do bản thân lựa chọn, sau đó trình bày lại nội dung tự đọc dưới các hình thức khác nhau. Về phía giảng viên: giảng viên đã quan tâm đến việc phát triển tốc độ đọc hiểu và các kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu; dựa vào các chủ điểm để lựa chọn bài dạy đọc hiểu có độ dài và độ khó khác nhau; yêu cầu SV làm các hệ thống bài tập khác nhau để hình thành cho họ thói quen và kỹ năng đọc khác nhau (đọc lướt để tìm ý chính của bài đọc hiểu, đọc nhanh để tìm các thông tin trong bài đọc hiểu, đọc suy luận để ghép các thông tin lại cho phù hợp, đọc tóm tắt ý chính của cả bài...). Việc chuẩn bị và tiến hành xêmina môn Đọc hiểu TNN của SV có mức độ thích ứng thấp nhất cũng do nhiều nguyên nhân. Sinh viên chưa nhận thức đầy đủ nội dung cụ thể và tác dụng của xêmina, chưa biết lựa chọn GT và TLTK để chuẩn bị đề cương xêmina, chưa biết suy nghĩ và chuẩn bị ý kiến tham gia tranh luận về chủ đề xêmina... Mặt khác, GT và TLTK phục vụ cho chuẩn bị xêmina chưa nhiều, tài liệu hướng dẫn phương pháp xêmina chưa có hoặc có rất ít; giảng viên ít tổ chức xêmina, hoặc có tổ chức thì thường đưa ra một vấn đề, sau đó SV lần lượt phát

biểu, cuối cùng giảng viên tập hợp lại kiến thức chứ chưa chú trọng đến khái quát lý luận và hướng dẫn SV vận dụng vào thực tiễn.

Điều đáng chú ý là *chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN* là hành động học có mức độ thích ứng cao nhất, nhưng tỷ lệ SV đạt mức độ thích ứng cao cũng chỉ có 17.62%. Qua tìm hiểu chúng tôi thấy: một bộ phận nhỏ SV có mức độ thích ứng cao là những em có nhiều năm học TNN ở các trường năng khiếu hoặc các lớp chuyên ngoại ngữ ở bậc phổ thông. Hiện tại, họ là những SV có kết quả học tập nói chung, kết quả học tập các môn ngoại ngữ nói riêng đạt loại giỏi và khá là chủ yếu. Nói cách

khác, họ là những SV có năng khiếu học ngoại ngữ; tích lũy được nhiều kinh nghiệm, tri thức và phương pháp học ngoại ngữ; có niềm say mê; tích cực, tự giác, chủ động và tìm tòi cách học mới phù hợp ở đại học. Đồng thời, trong quá trình học tập họ có sự giúp đỡ của đội ngũ giảng viên ngoại ngữ có trình độ cao và giàu kinh nghiệm giảng dạy TNN ở đại học. Như vậy, nhận thức về học tập, thái độ học tập, kinh nghiệm, tri thức, phương pháp học ngoại ngữ và môi trường học ngoại ngữ... là những yếu tố có ảnh hưởng đến mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN của SV.

3.2. Kết quả nghiên cứu xét theo các nhóm khách thể

3.2.1. Xét theo khối lớp

Bảng 2. Mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN của SV năm thứ nhất và năm thứ hai

TT	Các hành động học cơ bản	Khối lớp	Mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN		
			Cao (%)	TB (%)	Thấp (%)
1	Chuẩn bị bài học	Năm thứ nhất	17.13	37.66	45.19
		Năm thứ hai	18.16	39.87	41.96
		CHUNG	17.62	38.71	43.66
2	Tiếp thu kiến thức bài học	Năm thứ nhất	7.53	14.68	77.77
		Năm thứ hai	8.97	15.03	75.99
		CHUNG	8.21	14.85	76.93
3	Sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo	Năm thứ nhất	8.09	16.94	74.95
		Năm thứ hai	10.85	20.04	69.10
		CHUNG	9.40	18.41	72.17
4	Chuẩn bị và tiến hành xêmina	Năm thứ nhất	2.63	9.22	88.13
		Năm thứ hai	2.92	10.02	87.05
		CHUNG	2.77	9.60	87.62
5	Ôn tập	Năm thứ nhất	3.57	28.62	67.79
		Năm thứ hai	4.59	30.27	65.13
		CHUNG	4.05	29.40	66.53
Tổng hợp		Năm thứ nhất	7.53	22.22	70.24
		Năm thứ hai	8.55	26.93	64.50
		CHUNG	8.01	24.45	67.52

Bảng 2 cho thấy: Mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN của SV năm thứ nhất và SV năm thứ hai còn thấp. Cụ thể: chỉ có 7.53% SV năm thứ nhất và 8.55% SV năm thứ hai đạt *mức độ thích ứng cao*, 22.22% SV năm thứ nhất và 26.93% SV năm thứ hai đạt *mức độ thích ứng TB*, 70.24% SV năm thứ nhất và 64.50% SV năm thứ hai ở *mức độ thích ứng thấp*. Kiểm định sự khác biệt về mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN giữa SV năm thứ nhất và SV năm thứ hai cho thấy $\chi^2 = 3.8399 < \chi^2_{\alpha} = 5.99$. Kết quả này khẳng định mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN của SV năm thứ nhất và SV năm thứ hai không có sự khác biệt đáng kể.

Xét theo từng hành động học môn Đọc hiểu TNN thì mức độ thích ứng của SV cả hai khối lớp đều thấp và có sự khác nhau chút ít. *Chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN* có mức độ thích ứng cao hơn nhưng cũng chỉ có 17.13% SV năm thứ nhất và 18.16% SV năm thứ hai đạt mức độ thích ứng cao. Đặc biệt *chuẩn bị và tiến hành xêmina môn Đọc hiểu TNN* chỉ có 2.63% SV năm thứ nhất và 2.92% SV năm thứ hai đạt mức độ thích ứng cao. Tỷ lệ % SV đạt mức độ

thích ứng thấp tương đối nhiều ở hầu hết các hành động học cơ bản môn học này.

Như vậy, mức độ thích ứng với từng hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN cũng như mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN của SV năm thứ nhất và SV năm thứ hai còn ở mức thấp. Không có sự khác biệt đáng kể về mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN giữa SV hai khối lớp. Có thể lý giải kết quả này như sau: Khi vào học năm thứ nhất trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội, SV còn gặp nhiều khó khăn về điều kiện khách quan (nội dung học ngoại ngữ ở ĐHNN, nhịp độ nhanh của việc học ngoại ngữ ở ĐHNN, phương pháp giảng dạy ngoại ngữ ở ĐHNN) và về mặt chủ quan (khả năng ngoại ngữ đã có ở phổ thông, phương pháp học ngoại ngữ, việc tự phân phối thời gian học ngoại ngữ...). Sinh viên năm thứ hai tuy đã có một năm làm quen với môi trường học tập mới, với HĐH ngoại ngữ ở trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội, nhưng đến năm học này nội dung kiến thức môn Đọc hiểu TNN lại nhiều lên và khó hơn. Vì thế, mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN của SV năm thứ hai không có sự khác biệt đáng kể so với SV năm thứ nhất.

3.2.2. Xét theo khoa đào tạo

Bảng 3. Mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN của sinh viên các khoa

TT	Các hành động học cơ bản	Khoa	Mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN		
			Cao (%)	TB ((%)	Thấp (%)
1	Chuẩn bị bài học	Anh	18.09	39.87	42.02
		Nga	17.41	37.41	45.16
		Pháp	17.74	38.90	43.34
		Trung	16.94	37.71	45.33
		CHUNG	17.62	38.71	43.66
2	Tiếp thu kiến thức bài học	Anh	8.89	15.64	75.46
		Nga	7.74	13.54	78.70
		Pháp	8.19	15.01	76.79
		Trung	7.62	14.40	77.96
		CHUNG	8.21	14.85	76.93
3	Sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo	Anh	9.81	19.93	70.24
		Nga	8.38	15.48	76.12
		Pháp	9.89	20.13	69.96

		Trung	8.89	16.10	75.00
		CHUNG	9.40	18.41	72.27
		Anh	3.06	10.12	86.80
		Nga	2.58	7.74	89.67
4	Chuẩn bị và tiến hành xêmina	Pháp	3.07	10.58	86.34
		Trung	2.11	8.89	88.98
		CHUNG	2.77	9.60	87.62
		Anh	4.60	30.98	64.41
		Nga	3.22	28.38	68.38
5	Ôn tập	Pháp	4.43	29.35	66.21
		Trung	3.38	27.96	68.64
		CHUNG	4.05	29.40	66.53
		Anh	8.58	25.46	65.95
		Nga	7.09	23.87	69.03
Tổng hợp		Pháp	8.53	24.57	66.89
		Trung	7.20	23.30	69.49
		CHUNG	8.01	24.45	67.52

Bảng 3 cho thấy: chỉ có 8.58% SV khoa Anh, 7.09% SV khoa Nga, 8.53% SV khoa Pháp và 7.20% SV khoa Trung đạt mức độ thích ứng cao; 25.46% SV khoa Anh, 23.87% SV khoa Nga, 24.57% SV khoa Pháp và 23.30% SV khoa Trung đạt mức độ thích ứng TB; 65.95% SV khoa Anh, 69.03% SV khoa

Nga, 66.89% SV khoa Pháp và 69.49% SV khoa Trung ở mức độ thích ứng thấp. Như vậy, SV các khoa đều thích ứng thấp với HĐH môn Đọc hiểu TNN. Kết quả kiểm định $\chi^2 = 1.1982 < \chi^2_{\alpha} = 12.60$ cho thấy sự khác nhau về mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN của SV các khoa là ngẫu nhiên.

Bảng 4. Kết quả kiểm định χ^2 về mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN của SV theo từng cặp khoa

TT	Các cặp khoa	Kết quả kiểm định χ^2	χ^2_{α}	So sánh χ^2 với χ^2_{α}
1	Anh - Nga	0.5412	5.99	$\chi^2 < \chi^2_{\alpha}$
2	Anh - Pháp	0.0690	5.99	$\chi^2 < \chi^2_{\alpha}$
3	Anh - Trung	0.8412	5.99	$\chi^2 < \chi^2_{\alpha}$
4	Nga - Pháp	0.3011	5.99	$\chi^2 < \chi^2_{\alpha}$
5	Nga - Trung	0.0153	5.99	$\chi^2 < \chi^2_{\alpha}$
6	Pháp - Trung	0.5064	5.99	$\chi^2 < \chi^2_{\alpha}$

Kết quả kiểm định sự khác biệt (χ^2) về mức độ thích ứng với môn Đọc hiểu TNN của SV theo từng cặp khoa ở bảng 2 cho thấy: sự khác biệt về mức độ thích ứng với môn Đọc hiểu TNN của SV theo từng cặp khoa là không đáng kể. Tuy nhiên, SV khoa Anh có sự khác biệt rõ rệt hơn so với SV khoa Nga và SV khoa Trung, SV khoa Pháp có sự khác biệt rõ rệt hơn so với sinh viên khoa Trung.

Xét theo từng hành động học môn Đọc hiểu TNN thì SV cả bốn khoa đều có mức độ thích ứng thấp. Chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN có mức độ thích ứng cao hơn nhưng cũng chỉ có 18.09% SV khoa Anh, 17.41% SV khoa Nga, 17.74% SV khoa Pháp và 16.94% SV khoa Trung đạt mức độ thích ứng cao.

Có thể nói, mức độ thích ứng với HĐH môn Đọc hiểu TNN của SV bốn khoa đều thấp và không có sự chênh lệch đáng kể. Sinh viên khoa

Anh và SV khoa Pháp có mức độ thích ứng cao hơn một chút so với SV khoa Nga và SV khoa Trung. Điều này có thể lý giải là do môn học tiếng Nga, tiếng Trung có những vấn đề phức tạp, khó khăn, đa dạng hơn về ngữ pháp và từ

3.2.3. Xét theo kết quả học tập

Bảng 5. Mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN của SV ở các loại kết quả học tập

TT	Các hành động học cơ bản	Khoa	Mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN		
			Cao (%)	TB (%)	Thấp (%)
1	Chuẩn bị bài học	TB	16.17	38.10	45.72
		Khá	18.99	39.18	41.82
		Giỏi	21.42	41.07	37.50
		CHUNG	17.62	38.71	43.66
2	Tiếp thu kiến thức bài học	TB	7.62	13.01	79.36
		Khá	8.41	16.34	75.24
		Giỏi	12.50	21.42	66.07
		CHUNG	8.21	14.85	76.93
3	Sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo	TB	8.73	17.65	73.60
		Khá	10.09	19.23	70.67
		Giỏi	10.71	19.64	69.64
		CHUNG	9.40	18.41	72.27
4	Chuẩn bị và tiến hành xêmina	TB	2.04	8.73	89.21
		Khá	3.12	10.09	86.77
		Giỏi	7.14	14.28	78.57
		CHUNG	2.77	9.60	87.62
5	Ôn tập	TB	3.34	26.57	70.07
		Khá	4.56	32.45	62.98
		Giỏi	7.14	33.92	58.92
		CHUNG	4.05	29.40	66.53
Tổng hợp		TB	7.24	21.93	70.81
		Khá	8.41	26.44	65.14
		Giỏi	12.50	33.92	53.57
		CHUNG	8.01	24.45	67.52

Bảng 5 cho thấy: có 12.50% SV có kết quả học tập giỏi, 8.41% SV có kết quả học tập khá và 7.24% SV có kết quả học tập TB đạt mức độ thích ứng cao; 33.92% SV có kết quả học tập giỏi, 26.44% SV có kết quả học tập khá và 21.93% SV có kết quả học tập TB đạt mức độ thích ứng TB; 53.57% SV có kết quả học tập giỏi, 65.14% SV có kết quả học tập khá và 70.81% SV có kết quả học tập TB ở mức độ thích ứng thấp. Kết quả này nói lên: SV có kết quả học tập giỏi, khá và TB đều thích ứng thấp

với HDH môn Đọc hiểu TNN, mức độ thích ứng của SV đạt kết quả học tập khác nhau không có sự chênh lệch đáng kể. Kiểm định sự khác biệt χ^2 về mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN ở cả ba loại kết quả học tập cũng khẳng định điều đó ($\chi^2 = 5.6122 < \chi^2_{\alpha} = 9.49$).

Để nâng cao mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN, nhà trường cần tạo môi trường học tập tốt, đặc biệt là hướng dẫn phương pháp học cho SV nói chung và SV khoa Trung nói riêng.

Kiểm định sự khác biệt (χ^2) về mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN của SV giữa các loại kết quả học tập thể hiện ở bảng 6.

Bảng 6. Kết quả kiểm định χ^2 về mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN của SV giữa các loại kết quả học tập

TT	Các cặp kết quả học tập	Kết quả kiểm định χ^2	χ^2_α	So sánh χ^2 với χ^2_α
1	Giỏi - Khá	1.1287	5.99	$\chi^2 < \chi^2_\alpha$
2	Giỏi - Trung bình	7.1937	5.99	$\chi^2 > \chi^2_\alpha$
3	Khá - Trung bình	2.2652	5.99	$\chi^2 < \chi^2_\alpha$

Bảng 6 cho thấy: kiểm định χ^2 theo từng cặp kết quả học tập thì mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN của các nhóm SV có kết quả học tập giỏi - khá, khá - trung bình không có sự chênh lệch đáng kể. Nhóm SV có kết quả học tập giỏi có sự chênh lệch về mức độ thích ứng so với nhóm SV có kết quả học tập trung bình. Điều này nói lên rằng những SV có kết quả học tập giỏi thì mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN cao hơn hẳn so với những SV có kết quả học tập TB.

Xét theo từng hành động học cơ bản môn Đọc hiểu TNN thì SV có kết quả học tập giỏi, khá và TB có mức độ thích ứng khác nhau.

4. Kết luận và đề xuất

Mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN của SV trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội còn thấp, sự khác biệt về mức độ thích ứng giữa các hành động học cơ bản môn học này cũng không lớn. Sinh viên thích ứng cao hơn với các hành động học: *chuẩn bị bài học môn Đọc hiểu TNN, tiếp thu kiến thức môn Đọc hiểu TNN.*

Xem xét theo các nhóm khách thể cho thấy:

- Không có sự khác biệt đáng kể về mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN của SV năm thứ nhất và SV năm thứ hai. Tuy nhiên, SV năm thứ hai có mức độ thích ứng cao hơn một chút so với SV năm thứ nhất.

- Mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN của SV khoa Anh, khoa Nga, khoa Pháp, khoa Trung không có sự chênh lệch đáng kể.

Sinh viên khoa Anh và khoa Pháp có sự khác biệt rõ rệt hơn về mức độ thích ứng so với SV hai khoa còn lại.

- Sự chênh lệch về mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN giữa những SV có kết quả học tập giỏi, khá và TB là không đáng kể. Tuy nhiên, SV có kết quả học tập giỏi thích ứng cao hơn so với SV có kết quả học tập trung bình.

Từ kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp để nâng cao mức độ thích ứng với HDH môn Đọc hiểu TNN của SV góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo của nhà trường.

Một là, nhà trường cần có sự thống nhất trong giảng viên về *Đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ* theo hướng dạy học tích cực.

Hai là, các khoa đào tạo cần tổ chức giới thiệu cho SV phương pháp học ngoại ngữ nói chung và phương pháp học môn đọc hiểu TNN nói riêng, tổ chức cho SV các câu lạc bộ tiếng, tổ chức các hoạt động giao lưu giữa SV các khóa học trong khoa...

Ba là, giảng viên ngoại ngữ phải thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, hướng dẫn SV cách thực hiện các hành động học cơ bản môn ngoại ngữ, tăng thời gian thực hành để SV rèn luyện các hành động học cơ bản này.

Bốn là, sinh viên cần có nhận thức đúng, thái độ đúng về học ngoại ngữ và tích cực rèn luyện các hành động học cơ bản trong học ngoại ngữ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thạch, Phạm Thành Nghị, Tâm lý học sư phạm đại học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995.
- [2] Từ điển Tiếng Việt, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
- [3] Trần Hữu Luyến, Cơ sở tâm lý học dạy học ngoại ngữ, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2008.
- [4] Đặng Thị Lan, Mức độ thích ứng với hoạt động học một số môn học chung và môn Đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà Nội, Luận án tiến sỹ khoa học sư phạm tâm lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2009.

The Level of Adaptation to Learning Activities of Reading Comprehension Skills of Foreign Languages of Students at ULIS -VNU, Hanoi

Đặng Thị Lan

Division of Educational Psychology, University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi, Phạm Văn Đồng Street, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: The study clarifies the concept of students' level and state of adaptation to learning activities of reading comprehension skills of foreign languages at ULIS – VNU. Based on the results of the study, the author proposed some solutions to help students develop their level of adaptation to reading comprehension skills of foreign languages so as to improve the efficiency and the training quality at the university.

Keywords: level of adaptation to learning activities, reading comprehension skills of foreign languages, foreign language teaching methods, learning activities